

## TÓM TẮT

Hiệu quả tài chính là bộ phận quan trọng nhất khi xem xét đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngày nay, hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) là hoạt động vì mục tiêu sinh lời và trong điều kiện nguồn lực khan hiếm thì ngân hàng càng quan tâm đến hiệu quả tài chính. Hiệu quả tài chính là cơ sở vật chất đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của ngân hàng. Trong đó, tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả tài chính là chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh ngân hàng như huy động vốn, sử dụng vốn và dịch vụ ngân hàng. Bên cạnh đó, việc đánh giá năng lực tài chính của NHTM thông qua xem xét hệ số an toàn vốn tối thiểu để đảm bảo cho hệ thống hoạt động an toàn và lành mạnh là vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hội nhập kinh tế quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho phát triển kinh tế trên mọi phương diện nhưng cũng gia tăng sức ép cạnh tranh lên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành. Bằng những cam kết đã được đặt ra trong lộ trình mở cửa hệ thống ngân hàng, sự xâm nhập sâu rộng của các tổ chức tài chính quốc tế với nhiều thế mạnh đang là một thách thức rất đáng lo ngại đối với ngành Ngân hàng còn nhiều hạn chế của Việt Nam hiện nay. Vì vậy, việc phân tích hiệu quả tài chính của các NHTM sẽ giúp các nhà quản lý thực hiện cơ cấu lại hệ

# PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - NHÌN TỪ CHỈ TIÊU ROA, ROE VÀ HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

✍️ ThS. Tăng Thị Phúc và ThS. Lê Thị Thùy Dung \*

thống ngân hàng một cách khoa học, giúp các ngân hàng tự nhìn nhận lại năng lực hoạt động của mình để cải tổ có hiệu quả hơn, đẩy lùi được nguy cơ đổ vỡ, tiến đến phát triển bền vững và duy trì khả năng cạnh tranh với các tổ chức tài chính quốc tế trong tương lai.

### 2. HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA NHTM

Hiệu quả tài chính của ngân hàng cho biết giá trị gia tăng mà ngân hàng có được từ việc đầu tư vào hoạt động kinh doanh của mình. Phân tích hiệu quả tài chính được thực hiện trên cơ sở các khoản lợi ích và hao phí trực tiếp mà ngân hàng nhận được hay bỏ ra, trên góc độ tối đa hoá giá trị vốn chủ sở hữu.

Hiệu quả tài chính của ngân hàng được phản ánh rõ nét nhất thông qua các chỉ tiêu về khả năng sinh lời và an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng. Trong đó, khả năng sinh lời được đo lường bằng các chỉ tiêu phản ánh lợi nhuận. Theo thông lệ quốc tế, người ta thường đo lường khả năng sinh lời của NHTM bằng các chỉ tiêu định lượng: giá trị tuyệt đối của lợi nhuận sau thuế, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, cơ cấu của lợi nhuận (cho biết lợi nhuận được hình thành từ nguồn

nào) và đặc biệt là các chỉ tiêu tỉ suất lợi nhuận ròng trên vốn tự có (ROE), lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA).

Theo các chuẩn mực đánh giá năng lực tài chính của Moody's thì các chỉ tiêu khả năng sinh lời được đánh giá tốt trong khung:  $ROA \geq 1\%$ ;  $ROE \geq 12-15\%$ .

Theo tiêu chuẩn của Hệ thống CAMEL: Các chỉ tiêu sử dụng: ROA phải đạt lớn hơn 1%; ROE phải đạt từ 15% trở lên.

Bên cạnh đó, việc đảm bảo an toàn và phát triển vốn là nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ trong hoạt động kinh doanh của NHTM. Để đảm bảo an toàn cho phần tài sản có chứa đựng rủi ro, ngân hàng cần duy trì một mức vốn tự có cần thiết được đo bằng tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu hay hệ số an toàn vốn (viết tắt là CAR: Capital Adequacy Ratio).

Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ:

$$CAR = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản "Có" rủi ro}} \times 100\%$$

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất

$$CAR = \frac{\text{Vốn tự có hợp nhất}}{\text{Tổng tài sản "Có" rủi ro hợp nhất}} \times 100\%$$

Trong đó, vốn tự có được xác định bằng vốn cấp 1 cộng vốn cấp 2.

Vốn cấp 1 là vốn chủ sở hữu chỉ bao gồm: Vốn tự có (vốn góp, vốn cấp), lợi nhuận không chia, thu nhập từ công ty con, tài sản vô hình.

\* Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng



Đến ngày 31/12/2014, trên cả 2 sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội có 9 NHTMCP niêm yết, chiếm khoảng ¼ tổng số NHTM đang hoạt động tại Việt Nam

Vốn cấp 2 là vốn được sử dụng ổn định, bao gồm: Các khoản dự phòng tổn thất, các khoản nợ cho phép chuyển thành vốn chủ sở hữu, nợ thứ cấp (nợ có tính chất dài hạn).

Tiêu chuẩn đánh giá hệ số CAR theo Moody's là 12%; Theo quy định của hiệp ước Basel II thì CAR phải đạt tối thiểu là 8%; Theo thông tư 36/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thì CAR quy định ở mức tối thiểu là 9%.

Qua hệ số CAR có thể xác định được khả năng của ngân hàng thanh toán các khoản nợ có thời hạn và đối mặt với các loại rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành. Hay nói cách khác, khi ngân hàng đảm bảo được hệ số này tức là nó đã tự tạo ra một tấm đệm chống lại những cú sốc về tài chính, vừa tự bảo vệ mình, vừa bảo vệ những người gửi tiền.

Với những ý nghĩa quan trọng đó, có thể nói, một ngân hàng có mức vốn chủ sở hữu lớn là yếu tố đảm bảo cho ngân hàng hoạt động an toàn, đồng thời, thể hiện sức mạnh tài chính của bản thân ngân hàng.

### 3. HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA CÁC NHTMCP NIÊM YẾT TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 ĐẾN 2014

#### 3.1. Điều kiện để NHTMCP niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Ngày 13 tháng 9 năm 2012, Thống đốc NHNN ban hành Thông tư số 26/2012/TT-NHNN hướng dẫn thủ tục chấp thuận của NHNN đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán (TTCK) trong nước và nước ngoài của tổ chức tín dụng (TCTD) cổ phần. Theo Thông tư này, tại Điều 5 quy định về điều kiện để TCTD cổ phần được NHNN chấp thuận niêm yết trên TTCK như sau:

(i) Có thời gian hoạt động tối thiểu là 02 (hai) năm tính đến thời điểm đề nghị.

(ii) Giá trị thực của vốn điều lệ đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định hiện hành.

(iii) Hoạt động kinh doanh có lãi trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán và báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán trong 02 (hai) năm liền kề trước năm đề nghị.

(iv) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD quy định tại Điều 129 và Khoản 1 Điều 130 Luật Các TCTD và các hướng dẫn của NHNN đối với các quy định này liên tục trong thời gian 06 (sáu) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị.

(v) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% so với tổng dư nợ tại thời điểm cuối quý trong thời gian 02 (hai) quý liền kề trước quý đề nghị.

(vi) Thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN tại thời điểm cuối quý liền kề trước quý đề nghị.

(vii) Trong thời gian 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị, TCTD cổ phần không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng dưới hình thức phạt tiền với tổng mức phạt từ 30 (ba mươi) triệu đồng trở lên.

(viii) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của TCTD cổ phần có số lượng và cơ cấu đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

(ix) Tại thời điểm đề nghị, TCTD cổ phần có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các TCTD và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, trên cả 2 sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội có 9 NHTMCP niêm yết, chiếm khoảng ¼ tổng số NHTM đang hoạt động tại Việt Nam, cụ thể: (Bảng 1)

Trong các điều kiện để được niêm yết tại TTCK, đối với các NHTMCP vừa hợp nhất, sắp

Bảng 1

TT	Tên NHTM	Ngày niêm yết	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Số lượng cổ phiếu niêm yết (cổ phiếu)	Sàn giao dịch
1	NHTMCP Sài Gòn – Thương tín (STB)	12/7/2006	12.425.115,9	1.242.511.590	HOSE
2	NHTMCP Á Châu (ACB)	21/11/2006	9.376.965,06	936.492.964	HNX
3	NHTMCP Sài Gòn – Hà Nội (VCB)	20/04/2009	8.865.795,47	886.579.547	HNX
4	NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	30/6/2009	23.174.170,76	2.317.417.076	HOSE
5	NHTMCP Công thương Việt Nam (CTG)	16/7/2009	37.234.045,56	1.323.199.600	HOSE
6	NHTMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	27/10/2009	12.355.229,04	1.235.522.904	HOSE
7	NHTMCP Nam Việt (NVB)	13/9/2010	3.010.215,52	301.021.552	HNX
8	NHTMCP Quân đội (MBB)	01/11/2011	11.256.250,00	1.125.625.000	HOSE
9	NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)	24/01/2014	28.112.026,44	2.811.202.644	HOSE

nhập hoặc đang trong lộ trình tái cơ cấu khó có thể đáp ứng được các điều kiện này, đặc biệt là: (i) giá trị thực của vốn điều lệ đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định hiện hành; (ii) hoạt động kinh doanh có lãi trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán và báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán trong 2 năm liền kề trước năm đề nghị; (iii) tỷ lệ nợ xấu dưới 3% so với tổng dư nợ tại thời điểm cuối quý trong thời gian 2 quý liền kề trước quý đề nghị. (iiii) thực hiện phân loại nợ và trích dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN tại thời điểm cuối quý liền kề quý đề nghị. Bên cạnh đó, trở ngại lớn nhất khiến các NHTMCP không muốn niêm yết là TTCK chưa thực sự là kênh thu hút được các nguồn vốn trong nền kinh tế, trong khi đó, các quy định về công bố thông tin cũng như việc giám sát, quản lý ngày càng nghiêm ngặt.

Bảng 2: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của NHTMCP niêm yết tại TTCK

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012	2013	2014	BÌNH QUÂN
Tổng TS	1,710,749,263	2,071,453,807	2,215,118,070	2,444,641,816	2,793,050,074	2,247,002,606
% tăng TS		21.08	6.94	10.36	14.25	13.16
Tổng VCSH	117,053,287	143,160,788	169,410,087	201,456,367	206,416,413	167,499,388
% tăng VCSH		22.30	18.34	18.92	2.46	15.50
Tổng LNTT	25,897,279	33,187,257	28,487,499	27,653,332	27,560,987	28,557,271
% tăng LNTT		28.15	-14.16	-2.93	-0.33	2.68

(Nguồn: BCTC của các NHTMCP từ năm 2010 đến 2014 và tính toán của tác giả)

### 3.2. Khái quát chung về hoạt động của các NHTMCP đang niêm yết trên TTCK Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của các NHTMCP trong giai đoạn 2010 – 2014 có nhiều biến chuyển thăng trầm do ảnh hưởng của tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và các chính sách tài chính – tiền tệ của Việt Nam nói riêng. Dù vậy, trong những năm qua, các NHTMCP vẫn không ngừng gia tăng quy mô tài sản, quy mô vốn chủ sở hữu, đồng thời, kết quả kinh doanh của các ngân hàng này đã được cải thiện. (Bảng 2)

Tổng tài sản đã tăng với tỷ lệ tăng bình quân là 13%/năm, trong đó tỷ lệ tăng cao nhất là năm 2011 với tỷ lệ trên 21%, tuy nhiên, sang năm 2012 thì tỷ lệ tăng này giảm mạnh, chỉ còn khoảng 7%, đến năm 2013 và 2014 mới có dấu hiệu tăng nhanh trở lại mà nguyên nhân chính là do tài sản của các NHTM Nhà nước chuyển đổi như VCB, BID.

Theo bảng cân đối kế toán của các ngân hàng, trong tổng tài sản thì cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 75%), sau đó là chứng khoán đầu tư, cho vay các TCTD khác. Điều này cho thấy, cho vay khách hàng luôn là nghiệp vụ chính của các ngân hàng, với một lượng tài sản lớn đòi hỏi các ngân hàng cần phải có chính sách quản trị tài sản tốt đảm bảo tính thanh khoản cho ngân hàng cũng như đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn. Mặc dù quy mô tài sản của các ngân hàng năm sau tăng cao hơn năm trước nhưng theo tiêu chuẩn của Moody's thì tỷ lệ tăng này còn ở mức quá thấp (13% < 25%) nên đã ảnh hưởng đến năng lực tài chính, đặc biệt là khả năng cạnh tranh của ngân hàng trước xu thế hội nhập quốc tế.

Vốn chủ sở hữu là cơ sở, cũng là điều kiện để một NHTM xác định quy mô hoạt động kinh doanh của mình. Qua số liệu cho thấy, các NHTMCP đã có quy mô vốn chủ sở hữu không ngừng tăng qua các năm. Đến cuối năm 2014, tổng vốn chủ sở hữu của các NHTMCP là 206.416.413 triệu đồng, tăng khoảng 2,5% so với năm 2013. Từ năm 2010 đến 2013, tỷ lệ tăng vốn chủ sở hữu duy trì ở mức khá cao, khoảng 20%/năm là do một số ngân hàng phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (VCB, CTG và BID). Mặc dù tốc độ tăng mạnh qua các năm nhưng tổng quy mô vốn CSH của các ngân hàng vẫn còn nhỏ so với chuẩn quy định, đặc biệt là so với các NHTM trong khu vực.

Mặc dù tài sản và vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng nhưng kết

quả kinh doanh của 9 ngân hàng trong giai đoạn này gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận trước thuế tăng cao ở năm 2011 nhưng các năm sau đều giảm. Đặc biệt là năm 2012, lợi nhuận trước thuế giảm trên 14% so với năm 2011. Nguyên nhân chính của hiện tượng này là do tín dụng tăng thấp, lãi suất vay giảm, chi phí

hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng cao.

**3.3. Phân tích hiệu quả tài chính của các NHTMCP niêm yết tại TTCK từ năm 2010 đến 2014**

- **Khả năng sinh lời trên tài sản (ROA)** (Bảng 3, Biểu đồ 1)

Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA) bình quân của các ngân

hàng cho thấy hiệu quả kinh doanh có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2011 và giảm dần cho đến năm 2014 chỉ còn 0,83%. Quy mô tài sản tăng đều qua các năm nhưng hiệu quả kinh doanh lại giảm, đây cũng là điều dễ hiểu trong bối cảnh hoạt động của các ngân hàng gặp khó khăn, tín dụng tăng trưởng yếu và lãi suất liên tục giảm.

- **Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)** (Bảng 4)

Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân của các NHTMCP năm 2010 và 2011 khá cao (khoảng 20%/năm), tuy nhiên, những năm sau có xu hướng giảm. Theo khung an toàn của Moody's thì chỉ tiêu ROE từ 12-15% là đạt yêu cầu, với mức chuẩn này thì các ngân hàng đang trong tình trạng sử dụng vốn chủ sở hữu chưa đạt hiệu quả, cao.

**\* So sánh ROA và ROE đạt được của các NHTMCP niêm yết trên TTCK từ năm 2010 đến 2014**

Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA): Nếu tỷ suất sinh lời trên tài sản càng lớn thì lợi nhuận sẽ tăng dần, đặc biệt ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Khi ROA tăng 1 đơn vị thì năng lực tài chính của hệ thống ngân hàng tăng 23,13%. Điều này chứng tỏ ngân hàng sử dụng tốt các tài sản góp phần làm tăng hiệu quả kinh doanh cũng như nâng cao năng lực tài chính của mình.

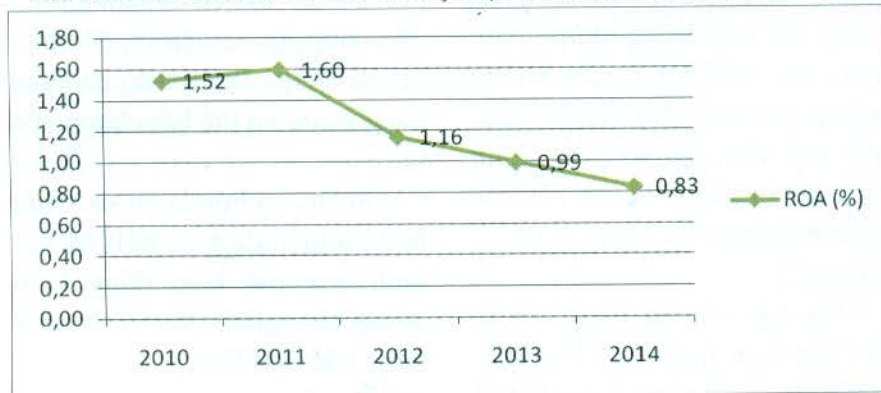
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): Nếu tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của ngân hàng càng lớn thì lợi nhuận của ngân hàng tăng dần và cũng ảnh hưởng đến năng lực tài chính

Bảng 3: Chỉ tiêu ROA (%) của các NHTMCP niêm yết tại TTCK từ 2010 đến 2014

Năm	ROA					
	Trung bình (%)	Số lượng ngân hàng	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn	Phương sai
2010	1.52	9	.0783	.0056	.0171	.0008
2011	1.60	9	.0812	.0083	.0197	.0012
2012	1.16	9	.0553	.0034	.0189	.0005
2013	0.99	9	.0497	.0026	.0102	.0007
2014	0.83	9	.0556	.0014	.0097	.0003

Nguồn: Tác giả thống kê từ SPSS

Biểu đồ 1: ROA của các NHTMCP niêm yết tại TTCK Việt Nam từ 2010 đến 2014

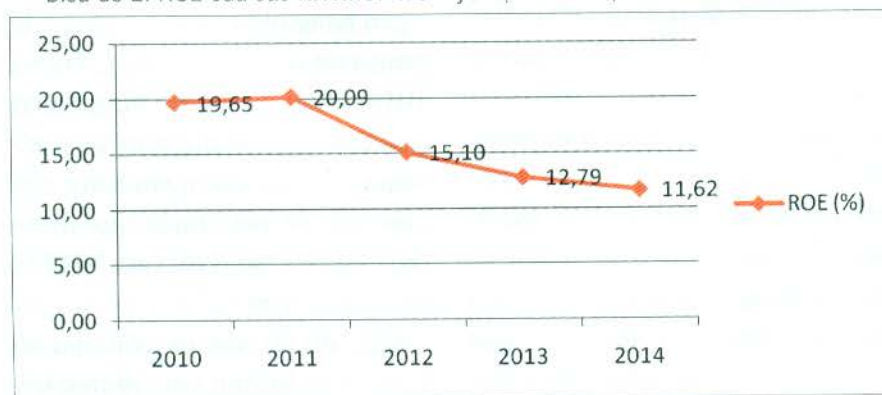


Bảng 4: Chỉ tiêu ROE (%) của các NHTMCP niêm yết tại TTCK từ 2010 đến 2014

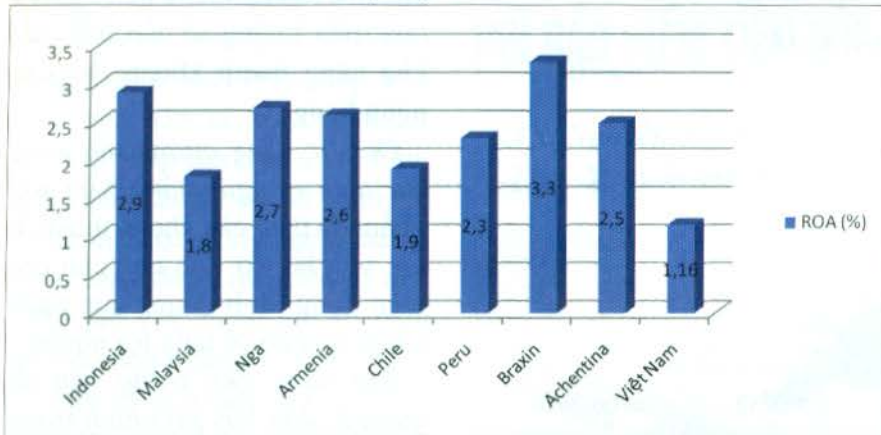
Năm	ROE					
	Trung bình (%)	Số lượng ngân hàng	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn	Phương sai
2010	19.65	9	.6404	.0417	.1495	.0168
2011	20.09	9	.6615	.0485	.1672	.0208
2012	15.10	9	.3117	.0087	.0767	.0064
2013	12.79	9	.2356	.0021	.0565	.0031
2014	11.62	9	.2309	.0014	.0542	.0028

Nguồn: Tác giả thống kê từ SPSS

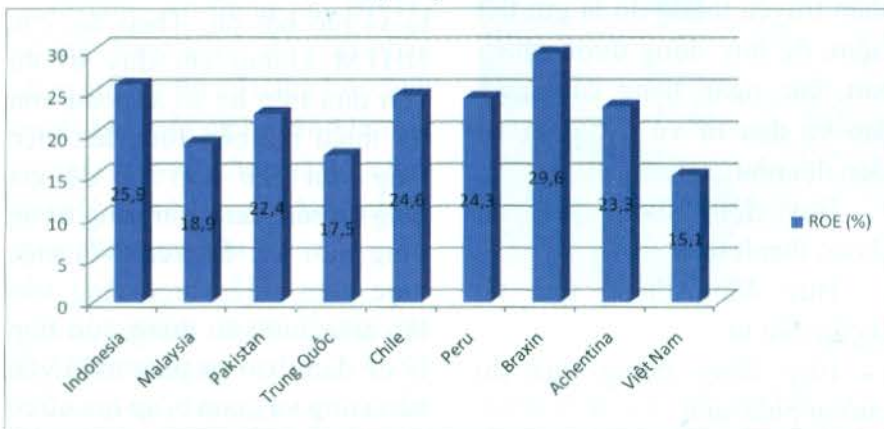
Biểu đồ 2: ROE của các NHTMCP niêm yết tại TTCK Việt Nam từ 2010 đến 2014



Biểu đồ 3: So sánh ROA của các NHTMCP niêm yết trên TTCK Việt Nam với NHTM của một số quốc gia khác năm 2012<sup>[2]</sup>



Bảng 5: So sánh ROE của các NHTMCP niêm yết trên TTCK Việt Nam với NHTM của một số quốc gia khác năm 2012<sup>[2]</sup>



của ngân hàng với mức tác động là khi ROE tăng 1 đơn vị thì xác suất năng lực tài chính của hệ thống ngân hàng tăng 0,63%. Điều này chứng tỏ ngân hàng có ROE tăng lên đồng nghĩa ngân hàng đó kinh doanh có hiệu quả và sẽ góp phần tăng vốn chủ sở hữu qua lợi nhuận để lại, như vậy sức mạnh tài chính sẽ được nâng cao thêm.

#### - Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR)

Theo quy định hiện hành tại Thông tư 36 của NHNN, hệ số CAR của các NHTM Việt Nam gần như đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 9%. Thời gian qua, nhờ vào tốc độ tăng trưởng quy mô vốn chủ sở hữu nhanh hơn tốc độ mở rộng của tổng tài sản, điều này đã tạo ra sự cải thiện đáng

kể của hệ số CAR. Hệ số CAR bình quân toàn Ngành đạt tỷ lệ 12,9% vào năm 2013. Các ngân hàng có quy mô lớn đều có xu thế đạt yêu cầu của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn. So với giai đoạn trước khi thực hiện tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thì mức độ đảm bảo an toàn vốn của nhóm các ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất (ACB, BIDV, MBB, VCB, CTB) đã tăng lên đáng kể. (Biểu đồ 4)

Theo như quy định hiện nay hệ số CAR các NHTMCP tăng nhờ sự tác động của Thông tư 36 với quy định tăng cấu phần vốn cấp 2, đồng thời giảm hệ số rủi ro của một số tài sản. Tính đến 2015, tuy hệ số CAR có cải thiện hơn nhưng xét trong mối tương quan với các nước trong khu vực

Châu Á có điều kiện kinh tế và hệ thống tài chính tương đồng thì vẫn còn chưa cao (Indonesia hơn 19%, Philippines 17%, Singapore 16,4%).

#### KẾT LUẬN

ROA, ROE là thước đo cơ bản đánh giá hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Để đạt hiệu quả kinh doanh tốt thì gia tăng lợi nhuận luôn là vấn đề cần thiết được đặt lên hàng đầu. Các ngân hàng sẽ tìm mọi biện pháp để gia tăng lợi nhuận, tuy nhiên, việc làm này phải đi đôi với phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của mình. Gia tăng lợi nhuận phải trên cơ sở phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa hoạt động tín dụng và hoạt động đầu tư, đồng thời phải đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và nâng tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ trong tổng doanh thu của ngân hàng.

Trong giai đoạn 2010 - 2014, các NHTMCP niêm yết trên TTCK Việt Nam nhìn chung có hiệu quả kinh doanh chưa cao, quy mô vốn đã không ngừng tăng trưởng qua các năm song vẫn còn thấp hơn so với hệ thống ngân hàng ở các nước trong khu vực. Hiệu quả sinh lời và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cũng nằm ở ngưỡng còn thấp hơn so với các nước, điều này xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

*Thứ nhất*, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp nhưng tín dụng tăng trưởng khó khăn, chủ yếu do sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu, tạo áp lực lớn về sử dụng vốn đối với các ngân hàng.

*Thứ hai*, cơ chế, chính sách về xử lý tài sản đảm bảo, các quy

Biểu đồ 4: Hệ số CAR bình quân của nhóm 5 ngân hàng TMCP lớn nhất (theo tổng tài sản) giai đoạn 2010 - 2014



Nguồn: Số liệu tổng hợp từ các báo cáo tài chính và tính toán của tác giả

định của pháp luật về đất đai, bất động sản, xây dựng... còn bất cập, dẫn đến việc xử lý tài sản đảm bảo để xử lý nợ xấu gặp khó khăn, các NHTM phải tăng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định và làm ảnh hưởng tới lợi nhuận.

*Thứ ba*, các NHTMCP này chịu áp lực do vừa phải tự củng cố, xử lý những tồn tại theo yêu cầu tái cơ cấu của NHNN vừa phải bố trí nguồn lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng tín dụng, hỗ trợ cho nền kinh tế.

*Thứ tư*, hệ số an toàn vốn của các NHTM Việt Nam mặc dù đã đáp ứng yêu cầu đặt ra của Thông tư 36 nhưng so với các nước thì vẫn chưa cao. Để đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống NHTM Việt Nam thì hệ thống ngân hàng vẫn cần tăng hệ số CAR.

Theo nghiên cứu của các chuyên gia kinh tế để tăng hiệu quả hoạt động cho các NHTMCP niêm yết trên TTCK cần thực hiện các biện pháp sau:

*Thứ nhất*, tăng cường huy động vốn bằng nhiều phương pháp.

Hiện tại các ngân hàng chủ yếu huy động thông qua phương

pháp truyền thống đó là gửi tiết kiệm, để huy động được nhiều hơn, các ngân hàng cần quan tâm và đầu tư về các dịch vụ hiện đại như:

- Huy động thông qua tài khoản thanh toán
- Huy động thông qua tài khoản đầu tư
- Huy động thông qua thị trường phái sinh

*Thứ hai*, sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý

Đòn bẩy tài chính là yếu tố làm tăng ROA và ROE. Tuy nhiên, sử dụng đòn bẩy tài chính có tính hai mặt, trong trường hợp sử dụng không phù hợp sẽ làm giảm tính thanh khoản, thậm chí mất khả năng thanh toán, tăng khả năng phá sản, dẫn đến sự sụp đổ của ngân hàng. Chính vì vậy, tùy theo từng thời điểm kinh doanh để quyết định sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý.

*Thứ ba*, phân luồng và đánh giá khách hàng để tiếp tục cho vay đối với những khách hàng uy tín và làm ăn hiệu quả.

Hiện tại, nếu tỷ lệ nợ xấu đang rất cao thì các ngân hàng phải thực hiện giải pháp xử lý nợ xấu trước để giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, sau đó mới tiếp

tục mở rộng cho vay đối với khách hàng uy tín và làm ăn hiệu quả, nếu không sẽ dẫn đến mất khả năng thanh khoản cho các ngân hàng.

*Thứ tư*, tăng cường mở rộng các dịch vụ ngân hàng, vừa góp phần gia tăng các khoản thu dịch vụ, vừa hỗ trợ tích cực cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng, qua đó sẽ tăng lợi nhuận.

*Thứ năm*, chú trọng vấn đề quản lý đòn bẩy tài chính trong điều kiện sau tái cấu trúc hệ thống hoặc trong điều kiện kinh tế vĩ mô bất ổn. Theo đó, các NHTM không chỉ duy trì đủ vốn dựa trên hệ số an toàn vốn tối thiểu mà còn tính đến việc tăng vốn phù hợp tốc độ gia tăng tài sản của ngân hàng trong từng thời kỳ. Đi kèm với việc thực hiện chiến lược tăng vốn là chiến lược sử dụng vốn hợp lý để đảm bảo sự phát triển vốn bền vững và giảm bị áp lực về cổ tức đối với các cổ đông do tăng vốn một cách ồ ạt nhưng chưa có kế hoạch sử dụng. ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

[1] NHTMCP Sài Gòn - Thương tín, NHTMCP Á Châu, NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Công thương Việt Nam, NHTMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, NHTMCP Nam Việt, NHTMCP Đầu và Phát triển Việt Nam (năm 2010 đến 2014), báo cáo thường niên và báo cáo tài chính hợp nhất.  
 [2] TS. Phan Thị Hằng Nga, (2013), Năng lực tài chính của NHTM Việt Nam.  
 [3] TS. Đặng Ngọc Đức, TS. Nguyễn Đức Hiền và cộng sự, "Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế", Đại học kinh tế quốc dân.  
 [4] ThS. Nguyễn Đức Trung, "An toàn vốn của các NHTM - thực trạng Việt Nam và giải pháp cho việc áp dụng Hiệp ước tiêu chuẩn vốn Basel II & III", Tạp chí Ngân hàng số 06/2012.  
 [5] Lê Thị Nguyệt và Phạm Thị Hạnh, "Năng lực về vốn của các NHTM VN trước yêu cầu hội nhập", Kỷ yếu hội thảo ĐHDN năm 2014.  
 [6] PGS. TS. Hoàng Thị Thu, "Phân tích lợi nhuận của các NHTMCP niêm yết trên sàn chứng khoán - nhìn từ chỉ số ROE và ROA", Kỷ yếu hội thảo ĐHDN năm 2014.  
 [7] Greuning, H., Bratanovic, S. B., (2009). "Analyzing Banking Risk: A Framework for Assessing Corporate Governance and Risk Management", The World Bank.